

BỘ CÔNG NGHIỆP  
TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM

---

**QUY TRÌNH KỸ THUẬT**  
TRỒNG RỪNG THÂM CANH  
CÂY BẠCH ĐÀN  
(*EUCALYPTUS UROPHYLLA*)  
**CUNG CẤP NGUYÊN LIỆU GIẤY**

NĂM 2002

**QUY TRÌNH KỸ THUẬT**  
**TRỒNG RỪNG THÂM CANH CÂY BẠCH ĐÀN**  
**(*EUCALYPTUS UROPHYLLA*)**  
**CUNG CẤP NGUYÊN LIỆU GIẤY**

-----

**CHƯƠNG I**  
**ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**Điều 1. Mục đích, yêu cầu**

Quy trình này quy định những biện pháp kỹ thuật trồng rừng thâm canh cây Bạch đàn (*Eucalyptus urophylla*) bằng các dòng vô tính chọn lọc (mô-hom) để cung cấp nguyên liệu giấy từ khâu trồng rừng, chăm sóc và quản lý bảo vệ đến khi khai thác.

Chu kỳ kinh doanh 7-8 năm.

Năng suất rừng >20 m<sup>3</sup>/ha/năm.

**Điều 2. Phạm vi áp dụng**

Quy trình này áp dụng cho trồng rừng tập trung, thuần loại, đầu tư thâm canh để sản xuất gỗ nguyên liệu giấy trong các đơn vị trồng rừng nguyên liệu thuộc Tổng công ty giấy Việt Nam. Việc trồng rừng phục vụ các mục đích khác có thể tham khảo.

Quy trình này là cơ sở để xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, áp dụng cho các đơn vị sản xuất kinh doanh và mọi thành phần kinh tế khác trồng rừng nguyên liệu giấy bằng vốn vay ưu đãi và vốn ngân sách.

**CHƯƠNG II**  
**ĐIỀU KIỆN NƠI TRỒNG RỪNG**

**Điều 3. Điều kiện lập địa**

Lập địa thích hợp cho trồng rừng thâm canh các dòng chọn lọc cây Bạch đàn *E. urophylla* thuộc các nhóm đất I, II, III, bao gồm các dạng thực bì: trảng cỏ, cây bụi, nửa tếp, đất sau nương rẫy và rừng nghèo kiệt, độ dốc ≤30°. Đất có tầng dày trung bình từ 50 cm trở lên. Thành phần cơ giới từ cát pha đến thịt nhẹ, thịt trung bình, sét nhẹ. Độ cao lập địa gây trồng từ 500 m trở xuống so với mực nước biển.

Không trồng bạch đàn *E. urophylla* trên đất nhóm IV và những nơi đất quá xấu, lớp đất mặt đã bị chai cứng, đất đá vôi, đất cỏ tranh thuần loại (*Theo bảng "Phân loại đất trồng rừng" Phụ lục 1*).

**Điều 4. Điều kiện khí hậu**

Bạch đàn *E. urophylla* thích ứng với điều kiện khí hậu tương đối rộng. Nhiệt độ không khí trung bình năm thích hợp là 23 °C. Lượng mưa bình quân năm từ 1.300-2.500 mm, trong năm có từ 3-4 tháng khô hạn.

### CHƯƠNG III NGUỒN GIỐNG VÀ TRỒNG RỪNG

#### Điều 5. Cây giống

Cây giống Bạch đàn *E. urophylla* được sản xuất bằng công nghệ giâm hom và nuôi cấy mô tế bào từ những dòng chọn lọc đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công nhận và những dòng đã qua nghiên cứu có triển vọng; Không nhân giống những dòng chưa qua kiểm nghiệm.

#### Điều 6. Tiêu chuẩn cây con giống trồng rừng

Cây con giống đem đi trồng rừng phải đạt những tiêu chuẩn sau:

- |                  |              |
|------------------|--------------|
| - Tuổi cây       | 2,5 -3 tháng |
| - Chiều cao      | 20-30 cm     |
| - Đường kính gốc | 0,2-0,3 cm   |

Cây xanh tốt, khỏe mạnh, không sâu bệnh, có đỉnh chủ đạo, bầu không bị vỡ nát và hệ rễ phát triển đầy đủ. Trước khi xuất vườn, cây con phải được đảo bầu, phân loại và hãm cây. Chỉ sử dụng những cây đạt tiêu chuẩn đem trồng.

#### Điều 7. Thiết kế trồng rừng

Trồng rừng phải có thiết kế theo quy định và do tổ chức có đủ tư cách pháp nhân thực hiện. Thiết kế trồng rừng thâm canh các dòng chọn lọc Bạch đàn *E. urophylla* áp dụng theo quy trình thiết kế trồng rừng tập trung vùng đồi núi của Bộ Lâm nghiệp, ban hành theo quyết định số 1982/KT ngày 20/11/1978 và các quy định bổ sung của Tổng công ty giấy Việt Nam.

#### Điều 8. Thời vụ trồng rừng

- Các tỉnh phía Bắc: vụ Xuân từ tháng 2 đến 15 tháng 5. Vụ Thu từ tháng 8 đến 15 tháng 9.
- Các tỉnh vùng Đông Nam bộ trồng rừng từ tháng 6 đến tháng 7.
- Các tỉnh vùng Trung bộ và Tây nguyên trồng rừng từ tháng 6 đến tháng 8. Thời vụ có thể xê dịch 10-15 ngày tùy thuộc biến động thời tiết cụ thể của từng vùng trong năm.

#### Điều 9. Xử lý thực bì

Tùy theo từng nhóm thực bì và điều kiện của từng địa phương mà áp dụng các biện pháp xử lý khác nhau.



- Dùng cuốc cào lớp mặt lấp đầy 1/2 chiều sâu của hố.
- Đổ phân NPK và phân vi sinh theo lượng quy định xuống hố, tiếp tục lấp đất màu đến 2/3 chiều sâu của hố.
- Trộn đều đất với phân trong hố và cuối cùng lấp đất đầy hố, vun thành hình mu rùa cao hơn miệng hố 5 cm.

Nơi có nhiều mối, để có thể cho thêm vào mỗi hố 10 gam thuốc Fugadan hay Diaphos 10H hoặc các loại thuốc chống mối, để có hiệu quả khác cùng lúc với bón lót.

### Điều 13. Kỹ thuật trồng rừng

Chỉ tiến hành trồng rừng khi đất trong hố đủ ẩm và thời tiết cho phép; Không trồng rừng vào những ngày quá nắng nóng.

· Khi trồng, moi một hốc sâu hơn bầu cây; Đặt cây con ngay ngắn vào chính giữa hố, sau đó rạch và lật bỏ vỏ bầu, vun đất lấp kín cổ rễ và ấn chặt xung quanh bầu cây.

## CHƯƠNG IV CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ

### Điều 14. Trồng dặm

Sau khi trồng cây từ 8-10 ngày phải tiến hành trồng dặm. Cây con trồng dặm phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật như cây trồng chính. Việc trồng dặm không kéo dài quá một tháng. Tỷ lệ sống trong năm đầu đạt trên 95%.

### Điều 15. Số lần chăm sóc

Rừng trồng Bạch đàn *E. urophylla* được chăm sóc 3 năm đầu.

Số lần chăm sóc quy định như sau:

Năm chăm sóc	Các tỉnh phía Bắc		Phía Nam
	Cây trồng vụ Xuân	Cây trồng vụ Thu	Cây trồng vụ Hè-Thu
- Năm thứ nhất	3 lần	1 lần	2 lần
- Năm thứ hai	2 lần	3 lần	3 lần
- Năm thứ ba	1 lần	2 lần	1 lần

### Điều 16. Kỹ thuật chăm sóc

Căn cứ vào mức độ phát triển, xâm lấn của thực bì, khả năng sinh trưởng của cây trồng để xác định thời điểm chăm sóc sao cho cây rừng không bị thực bì chèn ép, cạnh tranh ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây trồng. Nội dung công việc được quy định theo bảng sau:

Nội dung, yêu cầu kỹ thuật chăm sóc rừng quy định cho từng vùng

Năm	Lần	Nội dung chăm sóc	
		Các tỉnh phía Bắc	Các tỉnh phía Nam
Năm thứ 1	Lần 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát thực bì, cắt dây leo, cạnh tranh với cây trồng trên toàn diện tích.</li> <li>- Rẫy cỏ và xới nhẹ xung quanh gốc cây với đường kính 0,6-0,8 m</li> <li>- Trồng dặm những cây chết, chú ý phòng trừ sâu bệnh</li> </ul>	<p><b>Chăm sóc thủ công</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xới cỏ, vun gốc, rẫy cỏ theo băng cây rộng 0,6-0,8 m</li> <li>- Phát toàn bộ thực bì còn lại giữa 2 hàng cây</li> </ul> <p><b>Chăm sóc cơ giới</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xới cỏ, vun gốc, rẫy theo băng dọc theo hàng cây rộng 0,6-0,8 m</li> <li>- Cày chăm sóc 2 đường chảo 7 (đi-lại) giữa 2 hàng cây</li> </ul>
	Lần 2	<i>Nội dung chăm sóc như lần 1</i>	<p><b>Chăm sóc thủ công</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát thực bì cạnh tranh với cây trồng trên toàn diện tích</li> <li>- Xới cỏ, vun gốc, rẫy theo băng dọc theo hàng cây rộng 0,6-0,8 m</li> </ul> <p><b>Chăm sóc cơ giới</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xới cỏ, vun gốc, rẫy theo băng dọc theo hàng cây rộng 0,6-0,8 m</li> <li>- Cày chăm sóc 2 đường chảo 7 (đi-lại) giữa 2 hàng cây</li> <li>- Gom và xử lý vật liệu cháy trên lô</li> <li>- Làm đường băng cản lửa phòng chống cháy</li> </ul>
Năm thứ 1	Lần 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát thực bì, cắt dây leo cạnh tranh với cây trồng. Phát sạch cỏ xung quanh gốc cây với đường kính 1 m, phần gốc thực bì còn lại cao &lt;10 cm không để phủ lên cây.</li> </ul>	
Năm thứ 2	Lần 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát thực bì, cắt dây leo cạnh tranh với cây trồng trên toàn diện tích, chặt chồi, phần gốc còn lại cao &lt;10cm, không để thực bì đổ phủ lên cây trồng</li> <li>- Xới cỏ, vun đất xung quanh gốc cây đường kính 1m.</li> <li>- Bón thúc thêm 200g phân NPK (8:4:4 hoặc 10:5:5)/gốc.</li> <li>- Cách bón: đào rạch sâu 10-15 cm, hình vòng cung phía trên dốc, dài 30 cm, rắc phân đều theo rạch sau đó lấp đất lên.</li> </ul>	<p><b>Chăm sóc thủ công</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xới cỏ, vun gốc, rẫy cỏ theo băng dọc theo hàng cây rộng 0,8 m</li> <li>- Phát toàn bộ thực bì còn lại giữa 2 hàng cây</li> <li>- Bón thúc thêm 100g NPK(16:16:8)/gốc.</li> <li>- Cách bón: đào rạch sâu 10-15 cm, hình vòng cung phía trên dốc, dài 30 cm, rắc phân đều theo rạch sau đó lấp đất lên.</li> </ul>
	Lần 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát toàn diện thực bì, cắt dây leo cạnh tranh với cây trồng trên toàn diện tích. Gốc cây phát cao &lt;10 cm</li> <li>- Rẫy cỏ xung quanh gốc cây đường kính 1 m, xới vun đất vào gốc cây trồng.</li> </ul>	<p><b>Chăm sóc thủ công</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát toàn diện thực bì trên lô</li> <li>- Xới cỏ, vun gốc, rẫy cỏ theo băng dọc theo hàng cây rộng 0,8 m.</li> </ul>

	<b>Lần 3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát thực bì cạnh tranh với cây trồng trên toàn diện tích, phát thấp gốc thực bì &lt;10 cm</li> <li>- Phát sạch cỏ xung quanh gốc đường kính 1 m.</li> <li>- Tia cành loa xoà xung quanh gốc đến độ cao khoảng 1,5 m.</li> </ul>	<b>Chăm sóc thủ công</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát toàn diện thực bì trên lô</li> <li>- Gom và xử lý vật liệu cháy trên lô</li> <li>- Làm đường băng cản lửa phòng chống cháy</li> </ul>
<b>Năm thứ III</b>	<b>Lần 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát toàn diện thực bì, cắt dây leo cạnh tranh với cây trồng trên toàn diện tích, chặt cây sâu bệnh.</li> <li>- Phát cỏ xung quanh gốc cây, phát gốc thực bì thấp &lt;10 cm, tia cành gốc.</li> </ul>	<b>Chăm sóc thủ công</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát toàn diện thực bì trên lô</li> <li>- Gom và xử lý vật liệu cháy trên lô</li> <li>- Làm đường băng cản lửa phòng chống cháy</li> </ul>
	<b>Lần 2</b>	<b>Rừng trồng vụ Thu</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát toàn diện thực bì, cắt dây leo cạnh tranh với cây trồng trên toàn diện tích, chặt cây sâu bệnh.</li> <li>- Phát cỏ xung quanh gốc cây, phát gốc thực bì thấp &lt;10 cm, tia cành gốc.</li> </ul>	

### **Điều 17. Kiểm tra, nghiệm thu**

Sau khi hoàn thành công việc trồng rừng phải tiến hành kiểm tra và nghiệm thu

1. Nội dung kiểm tra, nghiệm thu bao gồm: diện tích trồng rừng, tỷ lệ cây sống, sinh trưởng đ-ờng kính và chiều cao (D, H), chất lượng cây trồng, tình hình sâu bệnh hại và kỹ thuật áp dụng.

2. Kiểm tra, nghiệm thu thực hiện theo 2 cấp là:

- Kiểm tra nghiệm thu nội bộ của Lâm trường, Xí nghiệp trồng rừng
- Kiểm tra nghiệm thu chính thức của Công ty, Tổng công ty.

### **Điều 18. Phòng trừ sâu, bệnh**

Thực hiện xuyên theo dõi tình hình sâu, bệnh hại cây rừng. Khi phát hiện cần phải có biện pháp phòng trừ kịp thời, đề phòng bệnh dịch lây lan. Biện pháp phòng trừ theo "Hướng dẫn phòng trừ sâu bệnh hại" đi kèm theo quy trình này.

### **Điều 19. Phòng chống cháy rừng và các tác hại khác**

1. Phòng chống cháy rừng: theo quy phạm QPN 8-86 quy phạm phòng chữa cháy rừng thông, rừng tràm và một số loại rừng dễ cháy khác.

2. Phòng chống các tác hại khác:

- Thực hiện các biện pháp phòng chống gia súc phá hoại cây trồng, con người chặt phá và tác hại của thiên nhiên đối với rừng cho đến tuổi thành thực công nghệ.

- Giao khoán quản lý bảo vệ rừng phù hợp với yêu cầu, kế hoạch và chủ trương theo từng giai đoạn.

#### **Điều 20. Quản lý rừng trồng**

Th- ờng xuyên tiến hành kiểm tra, kiểm kê để đánh giá kết quả trồng rừng, l- u trữ hồ sơ thiết kế rừng trồng theo từng lô, khoảnh cho đến khi khai thác.

Nội dung bao gồm:

- Hồ sơ thiết kế và thi công trồng, chăm sóc rừng qua các năm
- Biên bản nghiệm thu qua mỗi công đoạn sản xuất hàng năm
- Hồ sơ hợp đồng khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng nếu có.

### **CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 21. Đối tượng áp dụng**

1. Quy trình này áp dụng cho các công ty trồng rừng nguyên liệu giấy thuộc Tổng công ty giấy Việt Nam, các thành phần kinh tế hoặc các đơn vị thực hiện liên doanh, liên kết trồng rừng nguyên liệu giấy với Tổng công ty giấy Việt Nam.

2. Quy trình này được phổ biến đến toàn thể người lao động làm công tác trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng tại các công ty nguyên liệu trong Tổng công ty giấy Việt Nam.

#### **Điều 22. Hiệu lực thực hiện**

1. Quy trình này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Các văn bản, quy định trước đây của Tổng công ty giấy Việt Nam trái với những điều khoản trong quy trình này đều không có giá trị.

2. Trong quá trình áp dụng có điều khoản, nội dung nào chưa phù hợp, cần sửa đổi, các công ty nguyên liệu, các đơn vị liên quan có trách nhiệm góp ý giúp Tổng công ty giấy Việt Nam để sửa đổi và hoàn thiện.

## Phụ biểu 1. Biểu phân loại đất trồng rừng

Nhóm đất	Loại đất chủ yếu	Độ nén chặt
I	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đất cát pha thịt, ẩm, toi xốp, độ sâu tầng đất mặt khoảng 0,1-0,5m. Tỷ lệ rễ cây, đá lẫn ít</li> <li>- Đất rừng còn tốt, tầng đất mặt sâu, xốp, ẩm. Tỷ lệ rễ cây, đá lẫn ít.</li> <li>- Đất cát dính, toi, xốp, mát, có tỷ lệ nhỏ sỏi, đá lẫn</li> </ul>	<p>Cuốc bàn (Tiêu chuẩn Nhà nước) Đào dễ</p>
II	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đất thịt nhẹ và thịt trung bình, độ sâu tầng đất mặt khoảng 0,3-0,4m. Tỷ lệ rễ cây khoảng 10-25%. Tỷ lệ đá sỏi lẫn khoảng 10-20%</li> <li>- Đất thịt pha cát, ẩm, xốp. Tỷ lệ rễ cây khoảng 20%. Tỷ lệ đá sỏi lẫn khoảng 10-15%</li> <li>- Đất rừng còn tốt, tầng đất mặt trung bình, ẩm, xốp. Tỷ lệ rễ khoảng 25-30%. Tỷ lệ đá lẫn khoảng 15-20%</li> </ul>	<p>Cuốc bàn (Tiêu chuẩn Nhà nước) Đào phải dùng một lực tương đối mạnh</p>
III	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đất thịt nặng, hơi chặt, đất mát. Tỷ lệ rễ cây khoảng 20-30%. Trong đó khoảng 30% rễ cây có đường kính lớn. Tỷ lệ sỏi đá lẫn khoảng 20-35%. Đá lộ đầu khoảng 20%.</li> <li>- Đất đá ong hoá nhẹ, chặt, đất mát. Tỷ lệ rễ cây khoảng 15-20%. Tỷ lệ sỏi đá lẫn khoảng 30-35%. Tỷ lệ đá lộ đầu lớn hơn 30%.</li> <li>- Đất sét pha cát, hơi chặt, mát</li> </ul>	<p>Cuốc bàn (Tiêu chuẩn Nhà nước) Đào phải dùng một lực mạnh hoặc phải dùng cuốc đào hồ ngành</p>
IV	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đất sét pha thịt chặt, khô, tầng đất mặt mỏng. Tỷ lệ rễ cây khoảng 25-30%. Tỷ lệ đá lộ đầu khoảng 30-40%</li> <li>- Đất sét pha sỏi đá, chặt, khô, tầng đất mặt mỏng. Tỷ lệ rễ cây khoảng 30-40%. Tỷ lệ đá lẫn khoảng 40- 50%, nhiều đá lộ đầu và đá tảng.</li> <li>- Đất sét nặng, khô, chặt</li> </ul>	<p>Cuốc đào hồ (Tiêu chuẩn ngành) Phải dùng một lực mạnh</p>

Theo "Định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng ban hành theo quyết định số 532/NKT ngày 15/7/1988 của Bộ lâm nghiệp.

## Phụ biểu 2. Biện pháp xử lý thực bì theo các nhóm khác nhau

Nhóm thực bì	Loại thực bì chủ yếu	Biện pháp xử lý
I	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các loại cỏ thấp, cỏ hôi, cây bụi nhỏ, có chiều cao khoảng 0,9-1,0m chiếm tỷ lệ lớn và là thực bì chủ yếu. Độ che phủ cao</li> <li>- Các loại cỏ tranh, lau lách, có chiều cao 0,6-0,7m phát triển mạnh.</li> <li>- Ràng ràng có chiều cao khoảng 0,1-0,5m xen lẫn sim, mua, mọc thành từng đám trên diện tích. Độ che phủ thấp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát trắng, dọn sạch theo băng rộng 2m xếp theo đường đồng mức.</li> <li>- Nếu độ dốc thích hợp, có điều kiện thâm canh cao thì dùng cày ngầm (Miền Bắc) hoặc cày chảo (Miền Nam) để cày, kết hợp việc xử lý thực bì với làm đất, không cần phát dọn.</li> </ul>
II	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các loại cỏ thấp, cỏ tranh, lau lách có chiều cao 0,7-0,8m phát triển và là thực bì chủ yếu. Độ che phủ cao</li> <li>- Sim mua, thành nganh, cây bụi khác có chiều cao 0,9-1,0m mọc rải rác trên diện tích.</li> <li>- Ràng ràng phát triển có chiều cao khoảng 0,6-0,7m, độ che phủ cao xen lẫn sim mua.</li> <li>- Nửa mọc thành bụi nhỏ mọc rải rác trên diện tích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Những nơi cho phép đốt thì xếp thành từng đồng nhỏ để đốt</li> </ul>
III	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nửa xen kẽ dang, nửa chủ yếu là nửa tép chiếm khoảng 20%. Độ che phủ cao.</li> <li>- Dang xen kẽ nửa. Dang chiếm khoảng 20% phát triển ở mức độ trung bình</li> <li>- Các loại cỏ tranh, cỏ lác, lau lách, dây gai phát triển. Độ che phủ cao chiếm khoảng 50-60%, trong đó khoảng 20% phát triển mức độ dày đặc.</li> <li>- Rừng thứ sinh gồm có một số cây tiên phong như ba soi, ba bét v.v... đường kính nhỏ mọc rải rác xen kẽ các loài cây khác.</li> <li>- Lô ô, nửa tép xen rất ít cây bụi hoặc cỏ</li> <li>- Cây bụi xen cỏ hoặc rất ít lau chít chè vè</li> <li>- Nửa tép, le, chít, chè vè, cỏ tranh, cỏ Mỹ dày đặc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Các vùng phía Bắc:</b> phát trắng toàn diện, dọn sông theo băng rộng 2m, băng xếp thực bì rộng 1m. Những nơi được phép đốt thực bì, trước khi đốt phải làm đường ranh cản lửa, ngăn cách với khu vực xung quanh. Đường ranh cản lửa rộng từ 5-8m, được dọn sạch bề mặt. Khi đốt thực bì cần chọn ngày nắng, khô ráo và lặng gió, vào đến nơi đốt mới châm lửa. Nguyên tắc đốt từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới, ngược gió, luôn chú ý đường thoát.</li> <li>Hiện trường sau khi đốt được dọn sạch. Những thực bì chưa cháy hết được gom lại thành đồng hay băng để đốt tiếp. Đảm bảo hiện trường sạch, thuận tiện cho thi công cuốc hố, lấp hố và trồng cây. Phải luôn chú ý canh chừng khi đốt thực bì để phòng chống cháy lan.</li> <li>- <b>Các vùng phía Nam:</b> Phát toàn bộ thực bì trên lô, dọn sạch. Nơi cho phép đốt thì xếp thành từng đồng nhỏ hoặc xếp thành băng dọc theo đường đồng mức để đốt. Phương pháp đốt, dọn giống như ở các vùng phía Bắc</li> </ul>

IV	<p>- Rừng nửa xen lẫn dang, nửa chủ yếu là nửa tếp chiếm khoảng 30% có xen lẫn 3-5% nửa 5 và nửa 7. Độ che phủ cao.</p> <p>- Các loại cỏ tranh, lau lách, chít, chè vè, dây leo bụi rậm phát triển chiếm khoảng 25-30%. Trong đó khoảng 30% phát triển với mức độ dày đặc. Độ che phủ cao.</p> <p>- Dang xen lẫn nửa và ít cây gỗ. Dang chiếm khoảng 25-30%. Đa số phát triển ở mức độ trung bình, có một tỷ lệ nhỏ mọc với mức độ dày đặc, lan bò chồng chất lên nhau. Độ che phủ cao.</p> <p>Rừng khai thác kiệt, cây gỗ còn lại cong queo, sâu bệnh mọc rải rác xen lẫn dang, nửa, dây leo quần chằng chịt. Độ che phủ cao.</p>	<p>Nơi có địa hình thuận lợi và điều kiện cho phép thì dùng máy ủi toàn bộ lớp thực bì ra bìa lô, chỉ ủi thực bì, các gốc cây (không được ủi lớp đất mặt).</p> <p><b>Thực bì nhóm IV: Xử lý như đối với thực bì nhóm III</b></p>
V	<p>- Rừng nửa xen lẫn dang. Nửa chủ yếu là nửa tếp chiếm khoảng trên 20% xen lẫn khoảng 5-7% nửa 7 và khoảng 2-3% nửa 5. Độ che phủ cao.</p> <p>- Rừng dang xen lẫn nửa. Dang chiếm khoảng 30%, trong đó gần 30% phát triển ở mức độ dày đặc, lan bò chồng chất lên nhau. Độ che phủ cao.</p> <p>- Các loại cỏ tranh, lau lách, chít, chè vè, dây leo bụi rậm, dây gai phát triển chiếm khoảng 35-40% trong đó khoảng 30% phát triển ở mức độ dày đặc. Độ che phủ cao.</p> <p>Rừng khai thác kiệt, tán vỡ, cây gỗ còn lại cong queo, sâu bệnh, mọc rải rác trên diện tích xen lẫn các loại cây khác như dang, nửa, dây leo quần chằng chịt. Độ che phủ cao</p>	<p>- Phát toàn diện, dọn sạch theo băng rộng 2 m theo đường đồng mức. Nơi cho phép đốt thì xếp thành từng đống nhỏ để đốt. Khi đốt thực bì cần chọn ngày nắng, khô ráo và lặng gió. Nguyên tắc đốt là từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới và ngược gió, luôn chú ý đường thoát</p> <p>- Hiện trường sau khi đốt được dọn sạch. Những nơi thực bì chưa cháy hết, được gom thành đống để đốt tiếp. Đảm bảo hiện trường sạch, thuận lợi cho thi công cuộc và lấp hố sau đó</p> <p>- Phải luôn luôn canh chừng khi đốt thực bì để phòng chống cháy lan.</p>
VI	<p>- Rừng dang xen kẽ nửa và gỗ. Dang chiếm khoảng 50% trong đó khoảng 60% phát triển ở mức độ dày đặc, lan bò chồng chất lên nhau. Độ che phủ cao.</p> <p>- Rừng nửa xen kẽ dang . Nửa chiếm khoảng 35%, trong đó nửa 7 chiếm khoảng 20%, nửa 5 chiếm khoảng 10%, nửa tếp chiếm khoảng 10% phát triển ở mức độ dày đặc. Độ che phủ cao.</p> <p>- Cây bụi dây leo, bụi rậm phát triển mạnh chiếm khoảng 15% trong đó khoảng 60% mọc dày đặc. Độ che phủ cao.</p>	<p><b>Thực bì nhóm VI: Xử lý như đối với thực bì nhóm V</b></p>

Nhóm thực bì phân theo quy định trong "Định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng ban hành theo quyết định số 532/NKT ngày 15/7/1988 của Bộ lâm nghiệp.